TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 73/2023/HS-ST
Ngày 17/7/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy
2. Ông Vũ Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 12/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HS ngày 06/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn S, sinh ngày 02/01/1980, tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn Ng, đã chết và bà: Vũ Thị O, sinh năm 1936; có vợ là: Bùi Thị H, sinh năm 1979; có 2 con: lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Trích xuất có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị L(tên gọi khác: Li); sinh ngày 11/10/1981, tại xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu H, đã chết và bà: Trần Thị L sinh năm 1952; chồng: không có; có 2 con: lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/3/2023.

(Có mặt tại phiên tòa).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án***:

+ Anh Đào Quốc V, sinh năm 1985

Cư trú tại: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh V, chị H đều có mặt tại phiên toà).

- ***Những người làm chứng:***

+ Anh Trần Bình K, sinh năm 1993

Trú tại: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Đào Văn Ph, sinh năm 1965

Trú tại: thôn Th, xã An , huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Chị Phạm Thị D, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1972

Trú tại: thôn Th, xã An , huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Chị Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1999

Trú tại: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Phan Ngọc Ph, sinh năm 1978

Trú tại: tổ 8 phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình

+ Chị Đoàn Thị Y, sinh năm 1987

Trú tại: thôn S, xã Qu, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Đào Đình Th, sinh năm 1989

Trú tại: tổ 13 thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1967

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1954

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991

Trú tại: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990

Trú tại: tổ 14, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956

Trú tại: tổ 18 phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình

+ Ông Lương Gia S, sinh năm 1972

+ Ông Trần Văn A, sinh năm 1974

Đều trú tại: thôn H, xã Gi, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

+ Ông Lương Xuân T, sinh năm 1986 - Phó Giám đốc Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 155, đường Tr, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh K có mặt, những người làm chứng khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn S có vợ là chị Bùi Thị H, sinh năm 1979, trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Từ năm 2016 đến 2018, vợ chồng S vay Ngân hàng A, Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A, huyện Q *(viết tắt là: A Phòng giao dịch khu vực T)* số tiền 120.000.000 đồng và của người thân số tiền gần 400.000.000 đồng để xây nhà 02 tầng, diện tích 100m^2, trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, ở thôn Đ, xã A, huyện Q. Ngày 26/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 474XYZ, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Vũ Văn S và chị Bùi Thị H. Năm 2021, S cùng vợ đáo hạn, tăng hạn mức vay tại A Phòng giao dịch khu vực T lên số tiền 200.000.000 đồng sử dụng mua Ph tiện sản xuất, tài sản, xây công trình phụ và chi trả các khoản nợ xây nhà. Theo cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản (dùng trong trường hợp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản) vợ chồng S giao cho Ngân hàng quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tháng 01/2022, cần tiền để trả nợ S đến Công ty bất động sản B ở số 68, thị trấn A, huyện Q, gặp Giám đốc là anh Trần Bình K, đặt vấn đề cầm cố thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, tại thôn Đ, xã A, huyện Q. Anh K không đồng ý nói *"Có bán thì mua với giá 250.000.000 đồng"*. S đồng ý thỏa thuận (miệng) với Anh K*"Sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, tại thôn Đ, xã A cho người quen của Anh K nhưng không nộp cho cơ quan chức năng mà phía Anh K sẽ giữ lại hợp đồng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào S có tiền muốn mua lại thửa đất trên thì sẽ để lại theo giá thị trường"*. Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Ngân hàng quản lý

nên S đề nghị Anh K ứng trước số tiền 200.000.000 đồng để tất toán hợp đồng tín dụng với Ngân hàng rồi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Sau đó, Anh K giới thiệu cho anh Đào Quốc V nhận chuyển nhượng thửa đất của S với số tiền 300.000.000 đồng. Không muốn chị H (vợ) biết, S nói dối với Nguyễn Thị L(Li) là chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và nhờ L giả làm vợ S để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh V. L đồng ý. Được S đưa cho xem chứng minh nhân dân số 151912abc, mang tên Bùi Thị H do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/4/2007, thấy ảnh chị H khác với mình nên L bảo S không ký thay được. Nghe vậy, S bàn với L làm giả chứng minh nhân dân bằng cách chụp ảnh L thay ảnh chị H để sử dụng đi ký hợp đồng. S cùng L đến cửa hàng ảnh Quang Minh của chị Nguyễn Thị L ở khu vực Ph, xã P, huyện Đ chụp 01 ảnh thẻ (02 x 03)cm. S lấy giấy chứng minh nhân dân của chị H ra, dùng tay tách lớp dán ép plastic ở góc cạnh dưới bên trái chứng minh nhân dân, bóc ảnh của chị H bỏ đi, đưa ảnh của L vừa chụp vào rồi nhờ chị L ép plastic lại. Ngày 12/01/2022, S cùng anh V đến A Phòng giao dịch khu vực T. Tại đây, anh V chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản 3406205384abc của S mở tại Ngân hàng A1. S sử dụng số tiền trên tất toán hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhận lại Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giao anh V quản lý. Ngày 15/4/2022, anh V cùng S đi S thị trấn Đ, huyện Đ, đón chở L đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, ở số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ ký, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Không biết L giả làm chị H và chứng minh nhân dân L, S xuất trình là giả nên anh V và Công chứng viên Nguyễn Thị N đã ký và chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số tiền 195.000.000 đồng. Anh V giữ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi trả S số tiền 50.000.000 đồng; trả Anh K số tiền 50.000.000 đồng theo thỏa thuận. S trả công L số tiền 800.000 đồng. Giấy chứng minh nhân dân giả S bóc ảnh của L ra cất giấu tại nhà.

Giữa tháng 02/2022, S dùng điện thoại di động nhãn hiệu Huawei, sim thuê bao số 03378640ab, kết nối internet, sử dụng tài khoản cá nhân truy cập mạng xã hội facebook xem thấy có nhiều clip quảng cáo nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy phép lái xe giả đã nảy sinh ý định đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả làm thủ tục vay vốn ngân hàng và giấy phép lái xe giả để sử dụng. Do chỉ biết viết họ tên và không biết đọc nên S đọc số điện thoại gửi vào bình luận bằng giọng nói của trang quảng cáo. Ít ngày sau, S nhận được cuộc gọi của người đàn ông sử dụng số thuê bao 08655431ab chỉ dẫn S sử dụng tài khoản zalo "Văn Cường" kết bạn với tài khoản zalo "Nguyễn Trường An" và "Gia Huy" để trao đổi, cung cấp thông tin làm giấy tờ giả. S chụp ảnh cá nhân, căn cước công dân gửi kèm ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 474XYZ (sẵn có trong điện thoại) tới tài khoản zalo "Nguyễn Trường An" và "Gia Huy" thỏa thuận đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả với giá 6.000.000 đồng; 01 giấy phép lái xe

mô tô hạng A1 giả với giá 1.000.000 đồng; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả với giá 3.500.000 đồng, tài liệu gửi qua dịch vụ chuyển phát COD, thanh toán tiền khi nhận hàng. Trong thời gian chờ các tài liệu giả, S đến Phòng giao dịch khu vực T liên hệ xin 01 bộ hồ sơ vay vốn theo hình thức tín chấp rồi về nhờ ông Nguyễn Hữu T là Chi hội trưởng Chi hội nông dân thôn Đ, xã A, huyện Q (Cộng tác viên, Tổ trưởng tổ vay vốn thôn) hướng dẫn và viết hộ các thông tin hồ sơ vay vốn. Ngày 17/02/2022, S cầm hồ sơ vay vốn đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã A xác nhận Ph án sử dụng vốn, hợp đồng ủy quyền của chị H cho S để thực hiện giao dịch L quan đến việc vay vốn (các tài liệu đều chưa có tên, chữ ký của S và chị Bùi Thị H). Sau khoảng 01 đến 02 ngày, S nhận được 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CS 474XYZ, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Vũ Văn S, năm sinh 1980, CCCD số 034080003abc và chị Bùi Thị H, sinh năm 1979, CMND số 151912abc; 01 giấy phép lái xe mô tô giả số 340212759291, hạng A1, họ tên Vũ Văn S, ngày sinh 02/01/1980, nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện Q, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 18/10/2021; 01 giấy phép lái xe ô tô giả số 34001934abc, hạng C, họ tên Vũ Văn S, ngày sinh 02/01/1980, nơi cư trú: xã A, huyện Q ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 20/6/2021, kèm theo bộ hồ sơ học và thi sát hạch lái xe (đơn đề nghị học sát hạch lái xe mô tô ngày 12/9/2021, bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô; chứng chỉ sơ cấp do Trường trung cấp nghề tỉnh T cấp ngày 20/6/2021; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô của Sở giao thông vận tải tỉnh T, bản sát hạch thực hành lái xe ô tô, bài sát hạch lý thuyết đều không có thông tin thí sinh) từ người không quen biết trực tiếp đến giao và thanh toán số tiền làm giả các tài liệu là 10.500.000 đồng. S để bộ hồ sơ học và thi sát hạch lái xe ở tủ (S khai không biết nội dung các tài liệu này là gì vì S không đặt làm và không biết chữ), 02 giấy phép lái xe giả mang theo người sử dụng tham gia giao thông, xuất trình khi bị kiểm tra. Do không muốn chị H (vợ) biết S đã chủ động liên lạc nhờ L giả làm vợ S đi cùng ký hộ hồ sơ vay vốn. L đồng ý. Ngày 21/02/2022, S cầm hồ sơ vay vốn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cùng L đến A Phòng giao dịch khu vực T làm thủ tục vay vốn. Tại đây, L đã ký tên "H" và ghi họ tên "Bùi Thị H" vào Ph án sử dụng vốn, hợp đồng ủy quyền, cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Không biết L giả làm chị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nộp theo hồ sơ vay vốn là giả nên Phòng giao dịch khu vực T đã ký hợp đồng tín dụng (vay tín chấp) số 3406-LAV202200637 ngày 21/02/2022 cho S vay số tiền 200.000.000 đồng, sử dụng sản xuất, kinh doanh, đời sống hộ gia đình, thời hạn 36 tháng, lãi xuất 10,5% năm. Số tiền vay ngân hàng S sử dụng trả nợ xây nhà và mua sắm tài sản dùng cho gia đình. Hằng tháng, S thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng.

Đầu tháng 4/2022, để có tiền mua lại đất và nhà đã chuyển nhượng S nảy sinh ý định làm tiếp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nhờ người thân nhận chuyển nhượng để vay

ngân hàng. Ngày 03/4/2022, S sử dụng tài khoản zalo "Văn Cường" lien lạc với tài khoản zalo "Nguyễn Trường An" và "Gia Huy" đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả với giá 6.000.000 đồng, tài liệu gửi qua dịch vụ chuyển phát COD, thanh toán tiền khi nhận hàng. Tối ngày 08/4/2022, S được nhân viên của Bưu cục giao hàng tiết kiệm huyện Q là anh Trần Văn Đ giao bưu phẩm từ sop "Hào Quang", ở ngõ 13, đường Kh, phường Th, quận T, thành phố H, bên trong có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CS 474XYZ, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Vũ Văn S, năm sinh 1980, CCCD số 03440003abc và chị Bùi Thị H, sinh năm 1979, CMND số 151912abc. Nhận hàng, S thanh toán cho anh Đ số tiền 6.000.000 đồng. Bưu cục giao hàng tiết kiệm huyện Q đã chuyển khoản trả số tiền trên cho chủ hàng số tài khoản 0926777abc, có tên là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 25/7/1991, cư trú tại: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Trước đó, S chủ động gặp bạn là anh Phan Ngọc Ph nhờ anh Ph nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình S để giúp S làm thủ tục vay vốn ngân hàng. S lại tiếp tục nhờ liên giả làm vợ S đi ký hợp đồng. Không biết mục đích, việc làm của S nên anh Ph, L đồng ý giúp. Ngày 18/4/2022, S mang theo căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cùng L và anh Ph đến Văn phòng công chứng Đặng Ngọc T ở số 139, đường L, phường K, thành phố T Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân T ở số 255, đường L, phường K, thành phố T, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, ở số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, hỏi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra thấy thông tin số căn cước công dân trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất S cung cấp không đúng số căn cước của S nên đã bị từ chối. Sáng ngày 19/4/2022, S cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q đề nghị đính chính, chỉnh sửa số căn cước công dân cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả bị chị Đoàn Thị Y là Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phát hiện trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập biên bản quản lý, niêm phong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Sđể điều tra, giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ quản lý của Vũ Văn S điện thoại di động nhãn hiệu HuaWei, sim thuê bao số 03378640ab; 01 chứng minh nhân dân số 151912abc, mang tên Bùi Thị H do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/4/2007, không có ảnh; 01 ảnh (02x03)cm chụp Nguyễn Thị L; 01 giấy phép lái xe mô tô số 340212759291, hạng A1, họ tên Vũ Văn S, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 18/10/2021; 01 giấy phép lái xe ô tô số 34001934abc, hạng C, họ tên Vũ Văn S, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 18/10/2021. Quản lý của A Phòng giao dịch khu vực T, bộ hồ sơ, hợp

đồng tín dụng và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất S nộp cùng cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Quản lý của anh Đào Quốc V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 474XYZ, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Vũ Văn S và chị Bùi Thị H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 26/8/2019; 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 15/4/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, ở số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ. Ngày 22/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thi hành lệnh khám xét chỗ ở của Vũ Văn S tại thôn Đ, xã A, huyện Q, phát hiện thu giữ bộ hồ sơ học và thi sát hạch lái xe gồm đơn đề nghị học sát hạch lái xe mô tô ngày 12/9/2021, bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô; chứng chỉ sơ cấp do Trường trung cấp nghề tỉnh T cấp ngày 20/6/2021; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô của Sở giao thông vận tải tỉnh T, bản sát hạch thực hành lái xe ô tô, bài sát hạch lý thuyết không có thông tin thí sinh.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Vũ Văn S và Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Vũ Văn S khai việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình S cho anh Đào Quốc V thực chất là việc S thế chấp để vay anh Trần Bình K số tiền 320.000.000 đồng, lãi xuất 06%/tháng. Số tiền vay tại Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A ngoài sử dụng để mua đồ dùng, sửa chữa tài sản gia đình, trả nợ tiền xây nhà S còn sử dụng để trả gốc và lãi cho anh K, đến nay vẫn còn nợ tiền gốc của Anh K là 200.000.000 đồng; Anh Trần Bình K khai có việc S đến công ty của anh đặt vấn đề cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền nhưng anh không đồng ý. Sau đó, hai bên thỏa thuận (miệng) với nhau là ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nhà S với số tiền 250.000.000 đồng, khi nào S có tiền mua lại sẽ để theo giá thị trường. Sau đó, Anh K giới thiệu cho anh V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình S với số tiền 300.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 50.000.000 đồng. Anh K không cho S vay khoản tiền nào như S khai; Anh Đào Quốc V khai được Anh K giới thiệu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình S với số tiền 300.000.000 đồng. Anh V đã chuyển khoản cho S số tiền 200.000.000 đồng để trả ngân hàng và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của gia đình S. Ngày 15/4/2023, anh V cùng vợ chồng S (anh V không biết L giả là vợ S) đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N để ký, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau khi ký hợp đồng anh V trả cho S số tiền còn lại 50.000.000 đồng và Anh K số tiền 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số 55/CT-VKSQP ngày 12/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Vũ Văn S về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định

tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị L về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có mặt đều giữ nguyên lời khai như đã khai tại giai đoạn điều tra, truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Vũ Văn S, Nguyễn Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho UBND xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất xử lý vật chứng, các vấn đề có liên quan, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và thống nhất với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 497 - 504; 528 - 557; 584 - 585; 627 - 630; 645 - 648); phù hợp với biên bản ghi lời khai và lời khai tại phiên tòa của: Anh Đào Quốc V (bút lục số 480 - 488; 664 - 665), anh Trần Bình K (bút lục số 489 - 494), chị Bùi Thị H (bút lục số 475 - 476; 509 - 511); phù hợp với lời khai của những người làm chứng khác (bút lục số 467 - 474; 495 - 496; 505 - 508; 512 - 527; 656 - 659; 667 - 670). Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Công văn số 11/CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 04); Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 09 giờ 30 phút, 09 giờ 50 phút ngày 19/4/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 113 - 114);

- Kết luận giám định số 98/KL-KTHS(TL) ngày 16/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người đứng tên là ông Vũ Văn S; năm sinh: 1980; CCCD số: 03440003abc, địa chỉ thường trú: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và bà Bùi Thị H, năm sinh: 1979, CMND số 151912abc, địa chỉ thường trú: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, số: CS 474XYZ. Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Số vào sổ cấp GCN: CS03758, là giả"* (bút lục số 110);

- Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 14 giờ và 14 giờ 05 phút ngày 19/4/2022 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Kết luận giám định số 4506/KL-KTHS ngày 28/9/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an về việc phục hồi trích xuất dữ liệu hình ảnh, tin nhắn, video, tin nhắn trong ứng dụng zalo của chiếc điện thoại cần giám định, kết luận: *Tìm thấy 1423 tin nhắn, 130 hình ảnh từ ứng dụng Zalo lien quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu (dữ liệu tin nhắn, hình ảnh tìm thấy được sao chép vào 01 đĩa CD-R kèm theo).* Biên bản xem xét đĩa CD-R do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 14 giờ ngày 21/3/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ. Biên bản làm việc kiểm tra điện thoại của Vũ Văn S hồi 13 giờ 45 phút ngày 19/4/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 131 - 166; 652 d, 652 đ);

- Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 09 giờ, 10 giờ ngày 15/6/2022 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Kết luận giám định số 154/KL-KTHS(TL) ngày 29/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: Giấy phép lái xe mô tô số 340212759291, hạng A1, họ tên Vũ Văn S, ngày sinh 02/01/1980, nơi cư trú: thôn Đ, xã A,

huyện Q, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 18/10/2021 là giả; 01 giấy phép lái xe ô tô số 34001934abc, hạng C, họ tên Vũ Văn S, ngày sinh 02/01/1980, nơi cư trú: xã A, huyện Q, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp 20/6/2021 là giả (bút lục số 169 - 170; 172 - 173).

- Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 15 giờ 30 phút, 16 giờ 20 phút ngày 13/7/2022, tại Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 211 - 212); Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 08 giờ, 10 giờ 15 phút ngày 21/4/2022, tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 213 - 214). Kết luận giám định số 167/KL-KTHS(TL) ngày 11/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người đứng tên là ông Vũ Văn S; năm sinh: 1980; CCCD số: 034080003375, địa chỉ thường trú: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình và bà Bùi Thị H, năm sinh: 1979, CMND số 151912abc, địa chỉ thường trú: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, số CS 474XYZ; thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (Phòng giao dịch khu vực T quản lý) là giả. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người đứng tên là ông Vũ Văn S và bà Bùi Thị H, số: CS 474XYZ; thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (anh Đào Quốc V giao nộp) là thật (bút lục số 217 - 218);

- Kết luận giám định số 163/KL-KTHS(TL) ngày 17/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, giám định về chữ ký, chữ viết, con dấu trong các tài liệu, gồm: 01 phương án sử dụng vốn ngày 17/02/2022; 01 Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản ngày 21/02/2022; 01 Hợp đồng ủy quyền ngày 17/02/2022 bên ủy quyền Bùi Thị H, bên được ủy quyền Vũ Văn S (Phòng giao dịch khu vực T giao nộp); 02 bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/4/2022 (anh Đào Quốc V giao nộp), xác định: Chữ ký, chữ viết "Bùi Thị H" và chữ ký "H" trong các tài liệu này so với mẫu chữ viết, chữ ký thu thập của Bùi Thị H không phải do cùng một người viết, ký ra. Chữ ký, chữ viết "Bùi Thị H" và chữ ký "H" trong các tài liệu này so với mẫu chữ viết, chữ ký thu thập của Nguyễn Thị L do cùng một người viết, ký ra. Chữ ký mang tên Phó chủ tịch U.B.N.D XÃ Nguyễn Quang Le trong các tài liệu này so với mẫu chữ ký thu thập của ông Nguyễn Quang Le do cùng một người viết, ký ra. Hình dấu trong có nội dung "U.B.N.D XÃ A H. QUỲNH PHỤ T. THÁI BÌNH" trên các tài liệu cần giám định so với mẫu hình dấu của UBND xã A do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu chức danh "PHÓ CHỦ TỊCH U.B.N.D XÃ Nguyễn Quang Le" trong có nội dung UBND XÃ A H. QUỲNH PHỤ T. THÁI BÌNH trên các tài liệu cần giám định so với mẫu hình dấu chức danh của ông Nguyễn Quang Le đã thu thập được do cùng một con dấu đóng ra (bút lục số 177 - 178);

- Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện lập hồi 14 giờ, 14 giờ 35 phút ngày 06/6/2022, tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số 204 - 205). Kết luận giám định số 162/KL-KTHS(TL) ngày 17/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định: Mẫu in Giấy chứng minh nhân dân cần giám định là thật. Nội dung trên Giấy chứng minh nhân dân không bị tẩy xóa, sửa chữa. Hình dấu tròn có nội dung "C.H.X.H.C.N VIỆT NAM CÔNG AN TỈNH THÁI BÌNH" trên Giấy chứng minh nhân dân so với hình mẫu dấu có cùng nội dung do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu chữ ký, họ và tên "Trần Văn Vệ" trên Giấy chứng minh nhân dân so với hình dấu mẫu có cùng nội dung do cùng một con dấu đóng ra. Không đủ cơ sở kết luận ảnh kích cỡ (2x3)cm có phải ảnh trên Giấy chứng minh nhân dân cần giám định hay không; Biên bản mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản làm việc xem xét vật chứng (01 giấy chứng minh nhân dân của chị H và 01 ảnh của L); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 30/3/2023 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (bút lục số: 208 - 209; 653 - 655);

- Công văn số 977 ngày 30/6/2022 của Sở giao thông vận tải tỉnh T cung cấp thông tin về giấy phép lái xe của Vũ Văn S, thể hiện: "*S chưa đăng ký học và sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô và giấy phép lái xe ô tô tại Thái Bình, Sở giao thông vận tải Thái Bình không cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Vũ Văn S"*; Công văn số 19 ngày 11/11/2022 của Công ty TNHH phòng khám đa khoa Bắc Sài Gòn, thể hiện: *"Ngày 12/9/2021 Phòng khám tạm ngưng hoạt động do ảnh hưởng của dịch Covid 19, phòng khám làm việc lại vào ngày 02/10/2021 vì vậy không cấp giấy chứng nhận sức khỏe cho Vũ Văn S"* (bút lục số 48 - 61; 287). Kết luận giám định số 212/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định:*"Các mẫu dấu trong các tài liệu trên so với hình mẫu dấu thu thập của Sở giao thông vận tải tỉnh T (mẫu để so sánh) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các chữ ký BS Lương Thư Hà, Lê Thị Tuyết Mai, Nguyễn Ngọc Quân trong các tài liệu trên so với chữ ký thu thập được (dùng để so sánh) không phải do cùng một người ký"* (bút lục số 635 - 636);

- Biên bản xác minh hồi 15 giờ ngày 19/4/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 15 giờ ngày 19/4/2022 tại Bưu cục giao hàng tiết kiệm Q ở tổ 4 thị trấn A, huyện Q, cùng tài liệu lien quan (bút lục số 290 - 296); Biên bản xác minh do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 20, 26, 27/4/2022 tại Văn phòng công chứng Đặng Ngọc T số 139, đường L, phường K, thành phố T Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân T số 255, đường L, phường K, thành phố T, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, ở số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ (bút lục số 313 - 315; 660);

- Biên bản làm việc với đại diện Ngân hàng A Phòng giao dịch khu vực T ngày 04/3/2023 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập tại Phòng giao dịch khu vực T; Biên bản làm việc với đại diện Ngân hàng Nông

nghiệp và phát triển nông thôn huyện Quỳnh Phụ ngày 21/4/2023 (bút lục số 652; 691 - 692);

Cùng nhiều tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 01 đến tháng 4/2022, Vũ Văn S cùng Nguyễn Thị L đã có hành vi làm giả 01 chứng minh nhân dân số 151912abc, mang tên Bùi Thị H, do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/4/2007 bằng cách bóc ảnh của chị H, thay bằng ảnh thẻ của L rồi cầm tới Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, ở số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, sử dụng để ký, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CS 474XYZ, tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Vũ Văn S và chị Bùi Thị H cho anh Đào Quốc V. Nguyễn Thị L được S trả công số tiền 800.000 đồng. Cũng trong thời gian này thông qua mạng xã hội Vũ Văn S dùng điện thoại di động nhãn hiệu HuaWei, sim thuê bao số 03378640ab, kết nối internet, tài khoản zalo "Văn Cường" liên lạc với hai tài khoản zalo "Nguyễn Trường An" và "Gia Huy" 02 lần đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 02 Giấy phép lái xe giả với số tiền 16.500.000 đồng. S đã sử dụng 02 Giấy phép lái xe giả để tham gia giao thông đường bộ và xuất trình khi bị kiểm tra; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nộp cho Ngân hàng A1, Chi nhánh huyện Quỳnh Phụ Bắc Thái Bình, Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A, huyện Q để ký hợp đồng tín dụng vay vốn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả còn lại S mang đến các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q đề nghị đính chính, chỉnh sửa số căn cước công dân ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để nhằm chuyển nhượng cho anh Phan Ngọc Ph. Như vậy, Vũ Văn S đã 03 lần làm giả và sử dụng 05 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Nguyễn Thị L đồng phạm giúp sức cho Vũ Văn S làm giả và sử dụng 01 chứng minh nhân dân giả.

Hành vi của bị cáo Vũ Văn S đã phạm vào tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b, c khoản 2, Điều 341 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị L đã phạm vào tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

*" **1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.***

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;

đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố các bị cáo với tội danh, điều khoản như đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi bị cáo S 3 lần làm, sử dụng 05 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo L 01 lần làm, sử dụng 01 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến công tác quản lý hành chính của Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác. Khi thực hiện hành vi làm và sử dụng giấy tờ giả, các bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt tương xứng đối với các bị cáo là cần thiết, góp phần giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Đối với hành vi làm, sử dụng chứng minh nhân dân giả của chị H, các bị cáo S, L phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người khởi xướng, thực hành tích cực, bị cáo L là người tiếp nhận ý chí, giúp sức cho S và được hưởng lợi 800.000 đồng. Đối với hành vi làm, sử dụng các tài liệu giả còn lại, bị cáo S một mình thực hiện, không có sự bàn bạc với bị cáo L nên S phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:*

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo S có trình độ học vấn thấp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại số tiền 800.000 đồng do phạm tội mà có, hoàn cảnh gia đình khó khăn (phải một mình chăm sóc 01 mẹ già và 01 con nhỏ bị khuyết tật) nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo Vũ Văn S ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định; đối với bị cáo Nguyễn Thị L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cả hai bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khó khăn về kinh tế nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 04 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định, gồm:

+ 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ghi vật chứng quản lý của chị Đoàn Thị Y - Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, kèm theo Kết luận giám định số 98 ngày 16/5/2022, hoàn lại mẫu vật là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H;

+ 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kèm theo Kết luận giám định số 154 ngày 29/7/2022, hoàn lại mẫu vật là 02 giấy phép lái xe giả;

+ 01 phong bì niêm phong của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ sau khi mở niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình để xem xét, kèm theo Kết luận giám định số 162 ngày 17/8/2022, hoàn lại mẫu là 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H, 01 ảnh (2x3)cm;

+ 01 phong bì niêm phong (ký hiệu A1) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kèm theo Kết luận giám định số 167 ngày 11/8/2022, hoàn lại

mẫu vật là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H do Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A cung cấp

Bên trong 04 phong bì trên là 05 tài liệu giả, là vật chứng của vụ án có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục quản lý và lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 867743048675abc và IMEI2: 867743048709xxxđựng trong 01 phong bì niêm phong của Viện khoa học hình sự, kèm theo Kết luận giám định số 4506 ngày 28/9/2022, hoàn lại mẫu vật, là công cụ Vũ Văn S dùng vào việc phạm tội; số tiền 800.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị L được bị cáo S trả công cho việc làm và sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh V (bị cáo L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ) là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 sim có ghi dãy số 89840480000060994487 của S, giá trị sử dụng không đáng kể nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H (tài liệu thật), đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (kèm theo kết luận giám định số 167 ngày 11/8/2022 hoàn mẫu vật) và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 15/4/2022 (bản chính) quản lý của anh Đào Quốc V. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh V đề nghị giao lại cho anh V quản lý, bị cáo S và chị H đề nghị được nhận lại. Xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý ghi nhận quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là bị cáo Vũ Văn S và chị Bùi Thị H. Khi S ký hợp đồng chuyển nhượng cho Anh V, chị H hoàn toàn không biết. Anh V cũng chưa làm thủ tục đăng ký Stên, trách nhiệm của các bên phát sinh từ hợp đồng chưa được giải quyết trong vụ án này nên cần giao chị Bùi Thị H quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại anh V 01 bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất làm cơ sở để các bên tự thoả thuận, giải quyết với nhau hoặc yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu phát sinh tranh chấp.

[8] Các vấn đề khác:

Việc mâu thuẫn lời khai giữa bị cáo Vũ Văn S với anh Trần Bình K và anh Đào Quốc V liên quan đến việc chuyển nhượng nhà đất hay cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để vay tiền và chịu lãi xuất. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thực hiện đối chất giữa bị cáo S với anh K, anh V nhưng các bên giữ nguyên lời khai đã nêu. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng đến nay chưa đủ căn cứ xác định có việc S cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của vợ chồng vay số tiền 320.000.000 đồng, lãi xuất 06%/tháng của anh K. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết trách nhiệm của anh K, anh V trong vụ án này.

Đối với chủ tài khoản zalo "Gia Huy" và "Nguyễn Trường An" Vũ Văn S khai không biết thông tin gì về họ; việc đặt làm 03 giấy tờ giả (02 giấy phép lái xe giả; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả) trong tháng 2/2022 được giao nhận và thanh toán qua hình thức chuyển phát COD, S không biết người giao hàng là ai và không lưu giữ thông tin gì về người và công ty giao hàng, Cơ quan điều tra đã xác minh tại các đơn vị giao hàng trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ nhưng không xác định được công ty, người giao hàng này cho S. Tài khoản zalo "Nguyễn Trường An", trên ảnh đại diện của tài khoản có số điện thoại 08655431ab, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh tên chủ thuê bao là anh Lương Tiến Dũng, sinh ngày 05/08/1996, cư trú tại: thôn H, xã Gi, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Anh Dũng khai không đăng ký, không sử dụng số thuê bao và các tài khoản zalo trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý là phù hợp.

Shop "Hào Quang", mã shop S21110220, địa chỉ: Ngõ 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, số điện thoại 0879767757, là nơi gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cho Vũ Văn S qua Bưu cục của Công ty cổ phần Giao hàng tiết kiệm số 135, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 07/4/2022. Kết quả điều tra xác định không có shop "Hòa Quang" ở địa chỉ nêu trên. Sau khi giao hàng và nhận số tiền 6.000.000 đồng từ S, Bưu cục giao hàng tiết kiệm huyện Q đã chuyển khoản trả số tiền trên cho chủ hàng số tài khoản 0926777abc, có tên là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 25/7/1991, cư trú tại: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, được lập bằng hình thức online tại Phòng giao dịch Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng của Ngân hàng TMCP B; số điện thoại 0879767757 tên chủ thuê bao là chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994, cư trú tại: thôn Đ, xã V, huyện V, Tỉnh Thái Bình. Anh D khai không đăng ký, sử dụng số tài khoản trên; chị G không xác định được đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý là đúng quy định.

Đối với hành vi Vũ Văn S sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nhờ Nguyễn Thị L giả làm vợ là chị Nguyễn Thị H đến Phòng giao dịch khu vực T ký vào phương án sử dụng vốn, hợp đồng ủy quyền, cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản. Do không biết L giả làm chị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất S nộp theo hồ sơ vay vốn là giả nên Phòng giao dịch khu vực T đã ký hợp đồng tín dụng số 3406-LAV202200637 ngày 21/02/2022 cho S vay số tiền 200.000.000 đồng, sử dụng sản xuất, kinh doanh, đời sống hộ gia đình, thời hạn 36 tháng, lãi xuất 10,5% năm. Số tiền vay ngân hàng S sử dụng trả nợ xây nhà và mua sắm tài sản dùng cho gia đình, không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Tuy, S có thủ đoạn gian

dối nhưng không làm ảnh hưởng xấu đến nghĩa vụ trả nợ của S đối với ngân hàng do vẫn là hình thức cho vay không có bảo đảm (vay tín chấp). Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác định S có mục đích chiếm đoạt số tiền vay, mặt khác hằng tháng S vẫn thực hiện (hoặc đôn đốc gia đình) thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc, lãi xuất theo hợp đồng tín dụng. Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A cũng có lời khai đề nghị để S tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi của Công chứng viên Nguyễn Thị N công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không phát hiện chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H có trong hồ sơ là giả đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính Phủ quy định về thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với công chứng viên Nguyễn Thị N.

Đối với các tài liệu giả Cơ quan Cảnh sát điều tra quản lý khi khám xét chỗ ở của Vũ Văn S gồm: Giấy khám sức khỏe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Phòng khám đa khoa Bắc Sài Gòn cấp ngày 12/9/2021 cho người lái xe mang tên Vũ Văn S; 01 biên bản tổng hợp sát hạch lái xe mô tô, hạng A1 ngày 12/10/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Bình cho người có tên Vũ Văn S; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Bình (không ghi thông tin thí sinh); 01 Chứng chỉ sơ cấp do Trường Trung cấp nghề giao thông tỉnh Thái Bình cấp ngày 20/6/2022 cho người tên Vũ Văn S, được gửi kèm 02 giấy phép lái xe giả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa S khai chỉ đặt làm giả 02 giấy phép lái xe, không đặt làm giả số tài liệu trên. Xét thấy đây là bộ tài liệu chỉ đi kèm với giấy phép lái xe, không có giá trị sử dụng riêng hay phải xuất trình khi tham gia giao thông. Mặt khác, S chỉ học hết lớp 1, không biết đọc, viết (chỉ biết viết họ tên của mình) nên không biết nội dung của các giấy tờ này là gì. Sau khi nhận được bộ tài liệu, S để ở nhà và không sử dụng. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với S về hành vi làm giả các tài liệu này.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn S và Nguyễn Thị L phạm tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (22/8/2022).

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/7/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Uỷ ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI1: 867743048675abc và IMEI2: 867743048709xxx đựng trong 01 phong bì niêm phong của Viện khoa học hình sự, kèm theo Kết luận giám định số 4506 ngày 28/9/2022, hoàn lại mẫu vật;

+ Số tiền 800.000 đồng *(tám trăm nghìn đồng)* do bị cáo Nguyễn Thị L giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ theo biên lai thu số 0003021 ngày 24/4/2023.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 sim có ghi dãy số 89840480000060994487 của Vũ Văn S.

- Trả lại anh Đào Quốc V 01 bản chính hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 15/4/2022 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị N, địa chỉ: Số nhà 109, phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; giao chị Bùi Thị H quản lý 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 474XYZ mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 26/8/2019 (là tài liệu thật) để làm cơ sở cho hai bên thỏa thuận giải quyết với nhau liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà S đã ký kết với anh V tại Phòng công chứng Vũ Thị N hoặc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

(Điện thoại di động, sim điện thoại và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có đặc điểm chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng số 59 ngày 15/5/2023 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ; bản chính hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/4/2022 hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án được đánh số bút lục:187 – 189).

- Tiếp tục quản lý và lưu trữ theo hồ sơ vụ án 04 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định, gồm:

+ 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, ghi vật chứng quản lý của chị Đoàn Thị Y - Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, kèm theo Kết luận giám định số 98 ngày 16/5/2022, hoàn lại mẫu vật là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H;

+ 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kèm theo Kết luận giám định số 154 ngày 29/7/2022, hoàn lại mẫu vật là 02 giấy phép lái xe giả;

+ 01 phong bì niêm phong của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ sau khi mở niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình để xem xét, kèm theo Kết luận giám định số 162 ngày 17/8/2022, hoàn lại mẫu là 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H, 01 ảnh (2x3)cm;

+ 01 phong bì niêm phong (ký hiệu A1) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kèm theo Kết luận giám định số 167 ngày 11/8/2022, hoàn lại mẫu vật là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Vũ Văn S và Bùi Thị H do Phòng giao dịch khu vực T, thị trấn A cung cấp.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Vũ Văn S, Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2023). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *Công an huyện Quỳnh Phụ;*
- *Nhà tạm giữ, Công an h. Quỳnh Phụ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phượng

- UBND xã M, huyện Đ;

- Các bị cáo;

- Những người có QLNVLQ;

- Lưu hồ sơ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phượng